

BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 5/4/2025 đến 11/4/2025)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025

Diện tích phục vụ vụ Đông Xuân 2023-2024: **22.875,2 ha/22.339,9 ha** (KH vụ Đông xuân)/**68.867 ha/năm** (kế hoạch SXKD) ha đạt **102%** so với KH vụ và đạt **33,2%** so với kế hoạch năm:

+ Khu vực Củ Chi: **11.424,1,4ha** (Lúa: 5.097,5 ha; Cây công nghiệp dài ngày: 2.733,3 ha; Nuôi trồng Thủy sản: 240,2 ha; Rau màu, cỏ chăn nuôi: 2.480,4 ha, Ngăn triều: 872,7 ha);

+ Khu vực Hóc Môn - Bình Chánh: **4.483,9 ha** (Lúa: 907,8 ha; Cây công nghiệp dài ngày: 1.523,6 ha; Rau màu, cây CN ngắn ngày: 201,5 ha; Nuôi trồng Thủy sản: 55,1 ha, Ngăn mặn: 1.795,9 ha);

+ Khu vực Nam rạch Tra: **3.733,4 ha** (Lúa: 6,8 ha; Cây công nghiệp dài ngày: 274,8 ha; Rau màu, cây CN ngắn ngày: 332,7ha; Thủy sản: 22,3 ha, Ngăn triều: 2.598,0 ha, Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị: 498,8 ha);

+ Khu vực Thủ Đức: **3.233,8 ha** (Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị : 541,0 ha; Ngăn triều: 2.692,8 ha).

II. TÌNH HÌNH THU HOẠCH VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025: 8.380,2 ha, cụ thể:

1. Khu vực Củ Chi: 7.673,2 ha; cụ thể:

– Lúa: 4.612,7 ha (Trung Lập Thượng: 935,1 ha, Trung Lập Hạ: 553,0 ha, Thái Mỹ: 325,1 ha, Phước Thạnh: 434,0 ha, Phước Hiệp: 97,2 ha, An Nhơn Tây: 212,7 ha, Nhuận Đức: 320,7 ha, Phú Mỹ Hưng: 28,3 ha, Phước Vĩnh An: 66,8 ha, Tân An Hội: 157,4 ha; Tân Thông Hội: 37,9 ha, Tân Phú Trung: 698,7 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 3,12 ha, Thai Thai – Bến Súc: 11,5 ha; Tân Thạnh Đông: 614,0; Cây Xanh – Bà Bép: 39,4 ha; Bắc rạch Tra: 26,4 ha; Láng The – Sông Lu: 51,4 ha);

– Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 3.060,5 ha.

2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: 635 ha(lúa: 625 ha; rau, màu, cây CN ngắn ngày: 10 ha).

III. TÌNH HÌNH XUỐNG GIỒNG VỤ HÈ THU 2025

Khu vực Củ Chi: 2.202,7 ha; cụ thể:

– Lúa: 2.058,2 ha (Trung Lập Thượng: 690,6 ha, Trung Lập Hạ: 284,0 ha, Thái Mỹ: 106,5 ha, Phước Thạnh: 398,0 ha, Phước Hiệp: 119,5 ha, An Nhơn Tây: 62,7 ha, Nhuận Đức: 114,8 ha; Phước Vĩnh An: 24,9 ha, Tân An Hội: 71,3 ha; Tân Thông Hội: 11,4 ha, Tân Phú Trung: 128,4 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 3,4 ha, Thai Thai – Bến Súc: 8,7 ha, Tân Thạnh Đông: 2,5 ha, Láng The – Sông Lu: 31,5);

– Rau màu: 144,5 ha.

Hiện nay khu vực đã thu hoạch 03 ha lúa vụ Hè Thu (xã Phước Hiệp).

IV. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 05/04/2025 đến ngày 11/04/2025: 6.253.645 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
05/04/2025	13,78	13,10	0,50	8,39	724.707	2,25	194.160
06/04/2025	13,57	12,96	0,50	7,94	686.393	2,08	180.109
07/04/2025	13,68	13,10	0,50	7,75	669.302	1,91	165.320
08/04/2025	13,62	13,06	0,50	7,61	657.661	1,66	143.171
09/04/2025	13,40	12,74	0,45	7,42	640.771	2,28	197.238
10/04/2025	13,48	12,56	0,40	8,90	769.243	2,57	221.677
11/04/2025	13,50	12,65	0,40	8,98	775.593	2,64	228.300
Tổng cộng					4.923.670		1.329.975

b. Tổng lượng nước sử dụng từ ngày 05/04/2024 đến 11/04/2025 là **148,60** triệu m³, bằng 96,443% so cùng kỳ và bằng 39,522% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 109,45 triệu m³, K0 – N25: 39,14 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (10,2 ÷ 14,6) NTU và pH dao động từ (6,98 ÷ 7,24).

3. **Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (21,46 ÷ 21,49) m.

Ngày	Mức nước năm 2025 (m)	Mức nước năm 2024 (m)
11/04/2025	21,46	20,65
10/04/2025	21,46	20,64
09/04/2025	21,47	20,65
08/04/2025	21,47	20,66
07/04/2025	21,47	20,68
06/04/2025	21,48	20,68
05/04/2025	21,49	20,69

4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Cống Gò Dưa : + 1,24 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,20 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,05 m
- + Cống kênh C : + 1,24 m
- + Cống An Hạ : + 1,02 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2025) Ngày 11/04/2025		Độ mặn (2024) Ngày 12/04/2024	
		PS	PD	PS	PD	PS	PD
1	Cổng Tân Kiên	7,10	6,83	4,6	1,0	6,5	1,7
2	Cổng kênh C	6,99	6,82	3,9	0,7	6,0	1,1
3	Cổng kênh B	6,74	6,80	3,0	0,6	4,8	0,6
4	Cổng kênh A	6,87	6,69	2,4	0,5	4,2	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,63		1,8		3,3	
6	Cổng cuối kênh Ranh	6,60		0,6		0,6	
7	Cổng An Hạ	6,59	6,68	0,4		0,7	
8	Cổng T10	6,37		0,2		0,2	

V. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

– Công trình an toàn; Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường:

– Khu vực 5 công ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

– Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.